

THÔNG TIN NỘI BỘ

(Dùng trong sinh hoạt chi bộ tháng 10 năm 2020)

***Đảng bộ, nhân dân và lực lượng vũ trang thị xã La Gi ra sức thi đua thực hiện thắng lợi
nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020!***

**1- Hoạt động đối ngoại
2- Xây dựng Đảng**

3- Văn bản mới

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI: MỘT SỐ KẾT QUẢ HỘI NGHỊ BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO TRỰC TUYẾN G20

Ngày 03/9/2020, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao G20, với chủ đề “Tăng cường hợp tác qua biên giới” được tổ chức trực tuyến. Đây là Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao đặc biệt của G20 diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên toàn cầu, nhiều nền kinh tế lớn suy thoái nghiêm trọng trong nhiều thập kỷ. Các biện pháp hạn chế đi lại, đóng cửa biên giới tuy góp phần kiểm soát sự lây lan của bệnh dịch nhưng cũng gây ra những tác động không nhỏ đối với phát triển kinh tế - xã hội, gây gián đoạn các chuỗi thương mại - đầu tư và ngưng trệ giao lưu quốc tế. Tại Hội nghị, các bộ trưởng và lãnh đạo các tổ chức quốc tế tiếp tục khẳng định cam kết tăng cường hợp tác quốc tế trong ứng phó dịch Covid-19, giảm thiểu tác động kinh tế - xã hội và thúc đẩy phục hồi sau dịch; thảo luận và chia sẻ kinh nghiệm về các biện pháp quản lý biên giới; tăng cường phối hợp trong việc đưa công dân trở về nước và điều trị cho công dân nước ngoài; thúc đẩy các khuôn khổ hợp tác chung nhằm nâng cao năng lực chuẩn bị và ứng phó với các cuộc khủng hoảng y tế trong tương lai. Phát biểu tại Hội nghị, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh khẳng định: Đoàn kết, hợp tác, phối hợp toàn cầu và khu vực là cần thiết hơn bao giờ hết để thế giới vượt qua cuộc khủng hoảng Covid-19; Đánh giá cao những nỗ lực và đóng góp của G20 trong chống dịch Covid-19, nghiên cứu vắc-xin và thúc đẩy phục hồi kinh tế toàn cầu; Cảm ơn các nước G20 đã hỗ trợ Việt Nam ứng phó dịch hiệu quả, nhất là phối hợp đưa công dân Việt Nam trở về nước an toàn. Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh khẳng định, Việt Nam trên cương vị Chủ tịch ASEAN 2020 đã phát huy tinh thần “gắn kết và chủ động thích ứng”, phối hợp chặt chẽ với các đối tác duy trì các hoạt động hợp tác, đồng thời đề xuất nhiều sáng kiến thúc đẩy hành động chung trong phòng,

chống dịch, hỗ trợ người dân, phục hồi kinh tế. Từ thực tiễn hợp tác trong ASEAN và kinh nghiệm kiểm soát hiệu quả dịch bệnh của Việt Nam, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh đã chia sẻ các biện pháp thúc đẩy hợp tác quản lý biên giới trong ứng phó với dịch Covid-19 như: nhân mạnh cần tăng cường quản lý biên giới trên tinh thần “mục tiêu kép” bảo đảm phòng, chống dịch đi đôi với tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động trao đổi, đi lại, thương mại - đầu tư qua biên giới; mong muốn G20 phối hợp với các tổ chức quốc tế và các nước thúc đẩy hình thành Bộ quy tắc/Lộ trình về hợp tác quản lý biên giới và tạo thuận lợi cho đi lại quốc tế; tăng cường chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, bảo đảm an toàn y tế tại cửa khẩu, ứng dụng công nghệ trong phát hiện và truy vết các ca nhiễm; hợp tác nghiên cứu và bảo đảm tiếp cận vắc-xin công bằng, với chi phí phù hợp; nâng cao năng lực chuẩn bị, khả năng thích ứng cho các cuộc khủng hoảng an ninh phi truyền thống có thể xảy ra trong tương lai... (Nguồn: Thông tin nội bộ - Ban Tuyên giáo Trung ương tháng 10/2020).

XÂY DỰNG ĐẢNG: Nhằm cung cấp thông tin cho các cấp ủy trực thuộc sinh hoạt trong tháng 10/2020, Thông tin nội bộ kỳ này xin trích đăng nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã La Gi lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025. (Nghị quyết số 08 - NQ/ĐH, ngày 20/8/2020).

Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã La Gi lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 diễn ra từ ngày 18 đến ngày 20/8/2020, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị xã La Gi;

I. Đại hội thống nhất về đánh giá tình hình, kết quả 5 năm 2015 - 2020 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ 5 năm 2020 - 2025 nêu trong Báo cáo chính trị trình Đại hội

1. Về đánh giá tình hình, kết quả 5 năm 2015 – 2020

Đại hội khảng định:

Năm năm qua, Đảng bộ và nhân dân thị xã đã ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ X đạt kết quả khá toàn diện; phần lớn các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt; kinh tế có bước phát triển, cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư; văn hóa - xã hội có tiến bộ; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên; quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội căn bản được đảm bảo. Thị xã La Gi được công nhận đạt đô thị loại III, bộ mặt đô thị được chỉnh trang, có nhiều khởi sắc. Công tác xây dựng Đảng đạt kết quả khá toàn diện và ngày càng đi vào chiều sâu; hệ thống chính trị ngày càng nâng dần hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Khối đoàn kết toàn dân được tăng cường, dân chủ, kỷ cương được phát huy tốt hơn, phong trào thi đua yêu nước được duy trì. Những kết quả trên là tiền đề quan trọng thúc đẩy thị xã phát triển nhanh hơn trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế tồn tại; kinh tế tăng trưởng có mặt chưa vững chắc; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu. Sản phẩm các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn ít, giá trị thấp; hạ tầng các cụm công nghiệp chậm được đầu tư. Thực trạng hạ tầng đô thị tuy được quan tâm đầu tư xây dựng nhưng còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng kịp tốc độ đô thị hóa; một số tiêu chí đô thị loại III chưa đạt. Chất lượng dịch vụ y tế, sự nghiệp giáo dục có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Tình hình an ninh trật tự có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp; tệ nạn ma túy, tình trạng xuất cảnh trái phép còn xảy ra. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức đảng còn hạn chế. Đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn.

2. Về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển 5 năm 2020 - 2025

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân. Huy động tốt các nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; tập trung phát triển thị xã theo hướng đô thị Thương mại - Dịch vụ - Du lịch phía Nam của tỉnh, phấn đấu đạt thành phố trực thuộc tỉnh và hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III vào năm 2025. Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội; gắn với bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó

biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành và thực thi pháp luật. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

2.2. Phấn đấu đạt một số chỉ tiêu chủ yếu sau

Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 10%. Chi cho đầu tư phát triển bình quân trên tổng chi ngân sách hàng năm 20%. Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2025 đạt 200 triệu USD. Sản lượng khai thác hải sản bình quân hàng năm 62.000 tấn. Sản lượng hải sản đưa vào chế biến đạt trên 65%. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 0,3 - 0,5%/năm.

Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng các hình thức là 78%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp đạt 31,5%; 100% các cụm CN - TTCN đang hoạt động có hệ thống nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn quy định; tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 95%; mức giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,1‰; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 0,7‰; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi) giảm còn 6‰; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 7 loại vắc xin trên 95%; có 80 - 90 % xã, phường vững mạnh về quốc phòng - an ninh; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ chiếm trên 1,5% dân số; bình quân hàng năm có trên 75% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, không có yếu kém. Trên 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Bình quân hàng năm kết nạp 150 đảng viên mới. Hàng năm có trên 75% tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thị xã xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên

2.3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

2.3.1. Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các thành phần kinh tế; phát huy các sản phẩm chủ lực, xây dựng phát triển sản phẩm lợi thế phục vụ tiêu thụ nội địa và phát triển du lịch.

Tranh thủ các nguồn vốn phát triển hạ tầng du lịch; tăng cường phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án du lịch. Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến đầu tư du lịch.

2.3.2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng; đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp; phát triển mạnh các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, có thị trường và giải quyết nhiều

việc làm. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ nghề cá, khu neo đậu tránh trú bão; đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã.

2.3.3. Nâng cao hiệu quả kinh tế thủy sản; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với phát triển kinh tế biển; triển khai thực hiện tốt chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; đẩy mạnh phát triển kinh tế thủy sản theo hướng toàn diện, nâng cao hiệu quả khai thác gắn với chế biến tạo giá trị gia tăng cao. Triển khai thực hiện tốt các chính sách bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chính sách hỗ trợ ngư dân của Chính phủ, phát huy hiệu quả khai thác xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi và môi trường sinh thái, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng biển đảo của tổ quốc.

Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới một cách toàn diện và đi vào chiều sâu; duy trì các tiêu chí đã đạt, nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

2.3.4. Huy động và khai thác tốt các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của thị xã; tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển đô thị thị xã La Gi nhằm hoàn thiện chuẩn đô thị loại III vào năm 2025 và hướng tới chất lượng hạ tầng theo tiêu chuẩn đô thị loại II vào những năm tiếp theo. Thường xuyên rà soát, bổ sung quy hoạch, thực hiện và quản lý chặt chẽ các quy hoạch được phê duyệt; khai thác tốt quỹ đất để đầu tư hạ tầng kinh tế, kỹ thuật. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, đa dạng hóa các thành phần và hình thức đầu tư phát triển hạ tầng, lĩnh vực lợi thế, tiềm năng phát triển của thị xã.

2.3.5. Làm tốt công tác tài chính, tín dụng; tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, khai thác, bồi dưỡng hợp lý các nguồn thu hiện có. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu ngân sách; bảo đảm chi thường xuyên và ưu tiên chi đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả và tính công khai minh bạch trong sử dụng và quản lý ngân sách; quản lý tốt các tài sản công, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức tín dụng đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân.

2.3.6. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu.

2.3.7. Tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế; tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng trong nền kinh tế của thị xã; thực hiện kịp thời, đầy đủ và có hiệu quả chính sách của Trung ương hỗ trợ phát triển hợp tác xã và các nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; khuyến khích khởi nghiệp; tập trung kêu gọi các nhà đầu tư vào các lĩnh vực có thế mạnh của thị xã; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp đầu tư phát triển.

2.3.8. Tập trung chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo; tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục - đào tạo. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có năng lực, có tâm huyết với nghề; đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất phục vụ dạy và học theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; có biện pháp giảm tỉ lệ thấp nhất tình trạng học sinh bỏ học; duy trì kết quả thực hiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và nâng dần tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn trung học cơ sở mức độ 3.

2.3.9. Nâng cao chất lượng hoạt động y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; quan tâm công tác phòng, chống dịch bệnh. Phấn đấu đến năm 2025, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 6%, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 0,7%, giảm sinh bình quân mỗi năm 0,1‰; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh. *(Còn tiếp).*

VĂN BẢN MỚI: Nghị định 88/2020/NĐ-CP, ngày 28/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc. Nghị định gồm 47 điều, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2020. Một số quy định chủ yếu của Nghị định:

Thời gian, tiền lương tháng làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (1) Thời gian làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tổng thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động, không kể thời gian đóng trùng của các hợp đồng lao động; thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nếu không liên tục thì được cộng dồn; thời gian người lao động giữ các chức danh theo quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, ngày 23/01/1998 trước ngày 01/01/1998 mà được tính hưởng BHXH thì thời gian đó được tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. (2) Thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau theo quy định của Luật BHXH, thời gian không làm việc

hoặc nghỉ việc không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì tháng đó người sử dụng lao động không đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tháng đó không được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định này.

(3) Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của Luật BHXH từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng người sử dụng lao động không phải đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhưng được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Cụ thể như sau: a) Trường hợp hợp đồng lao động hết thời hạn trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ thai sản thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi hợp đồng lao động hết thời hạn được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thời gian hưởng chế độ thai sản sau khi hợp đồng lao động hết thời hạn không được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; b) Thời gian hưởng chế độ thai sản của người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc trước thời điểm sinh con hoặc nhận con nuôi dưới 06 tháng tuổi quy định tại khoản 4, Điều 31 của Luật BHXH không được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; c) Trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con theo quy định thì thời gian hưởng chế độ thai sản từ khi nghỉ việc đến khi đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, kể từ thời điểm đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con thì lao động nữ vẫn được hưởng chế độ thai sản cho đến khi hết thời hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3, Điều 34 của Luật BHXH nhưng người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; d) Trường hợp người cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng, người mẹ nhờ mang thai hộ, người cha nhờ mang thai hộ hưởng chế độ thai sản mà không nghỉ việc thì người sử dụng lao động vẫn phải đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. (4) Người lao động khi bị tạm giam, bị tạm đình chỉ công tác mà phải tạm dừng tham gia Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nếu sau đó được đóng bù theo quy định của pháp luật BHXH thì thời gian đóng bù được tính là thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. (5) Thời gian đóng BHXH đã được tính hưởng BHXH một lần thì không tính vào thời gian làm cơ sở tính hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. (6) Tổng số năm đóng bảo hiểm vào

Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được xác định như sau: a) Đối với trường hợp bị tai nạn lao động là tổng số năm đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tính đến tháng trước liền kề tháng bị tai nạn lao động; b) Đối với trường hợp bị bệnh nghề nghiệp là tổng số năm đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tính đến tháng trước liền kề tháng làm công việc mà công việc đó gây ra bệnh nghề nghiệp; c) Trường hợp người lao động đồng thời giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì thời gian đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trùng nhau của các hợp đồng lao động chỉ được tính một lần; d) Một năm được tính khi có đủ 12 tháng đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(7) Tiền lương đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp làm căn cứ tính hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được xác định như sau: a) Tiền lương tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trường hợp người lao động bị tai nạn lao động ngay trong tháng đầu đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong tháng đầu trở lại làm việc đóng bảo hiểm sau thời gian đóng gián đoạn do chấm dứt hợp đồng lao động thì bằng tiền lương đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của chính tháng đó; b) Tiền lương tháng cuối cùng đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của công việc đã làm mà công việc đó gây ra bệnh nghề nghiệp đối với trường hợp bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp; c) Trường hợp người lao động bắt đầu tham gia BHXH trước ngày 01/01/2016 mà thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định thì mức tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp được tính trên cơ sở hệ số tiền lương và phụ cấp (nếu có) nhân với mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng trợ cấp; d) Trường hợp người lao động đồng thời giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì tiền lương tính hưởng trợ cấp bằng tổng các mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của tất cả các hợp đồng lao động tại tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động hoặc bị bệnh nghề nghiệp của lần sau cùng nhưng không quá 20 tháng lương cơ sở (Nguồn: Thông tin nội bộ - Ban Tuyên giáo Trung ương tháng 10/2020).

BAN TUYÊN GIÁO THỊ ỦY LA GI

